

Bản án số: 207/2019/HS-ST
Ngày 19 - 12 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, tỉnh T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Toàn; Bà Trần Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 205/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh ngày 07 tháng 05 năm 1979, tại tỉnh T; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh T; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Vũ Văn V, sinh năm 1953 và con bà: Đỗ Thị V, sinh năm 1953; vợ: Trần Thị V, sinh năm 1980; có một con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/10/2019 đến ngày 17/10/2019 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an thành phố T; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1976; Cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh T; có mặt.

- Người chứng kiến:

1. Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1972; Cư trú: Số nhà 05/6, tổ 06, phường P, thành phố T; vắng mặt.

2. Anh Trần Đức L, sinh năm 1981; Cư trú: Số nhà 19, tổ 48, phường K, thành phố T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/10/2019, Vũ Văn T một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu SUZUKY màu xanh, biển số đăng ký 29H4 – 8331, đi từ nhà đến khu vực đường Đ, tổ 08, phường K, thành phố T, tỉnh T với mục đích mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ đang đứng một mình, T hỏi và mua của người đàn ông này 200.000 đồng được 02 gói ma túy loại hêrôin, mỗi gói được gói bằng giấy trắng kim màu trắng. Sau đó T cầm 02 gói ma túy vừa mua ở lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe máy đi tìm chỗ để sử dụng ma túy. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi T đi đến khu vực đường Đ, thuộc tổ 04, phường K, thành phố T thì bị tổ công tác của Công an thành phố T yêu cầu dừng xe để kiểm tra vì nghi có liên quan đến ma túy. Trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Tiến V và anh Trần Đức L, Tú đã tự giác bỏ từ trong lòng bàn tay trái của mình ra giao nộp cho tổ công tác 02 gói ma túy bên ngoài được gói bằng giấy trắng kim màu trắng, bên trong có chứa 0,1755 gam ma túy, loại hêrôin, Tú khai nhận mua về sử dụng, tổ công tác gói lại và niêm phong có sự chứng kiến của Tú và những người chứng kiến. Ngoài ra còn quản lý tại túi quần bên phải của Tú đang mặc số tiền 270.000 đồng; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUZUKY màu xanh, biển số đăng ký 29H4 - 8331.

Tại bản kết luận giám định số 391KLGD - PC09 ngày 14/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi: “Vật chứng thu giữ của Vũ Văn T là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,1755 gam”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số 211/CT-VKSTPTB ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

* Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Vũ Văn T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ từ ngày 14/10/2019.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, không giao dịch để bán kiếm lời nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định; trả lại cho bị cáo số tiền

270.000 đồng; trả lại cho anh Vũ Văn Q 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUZUKY màu xanh, biển số đăng ký 29H4 – 8331.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án thấp vì hiện nay bị cáo đang phải điều trị bệnh và anh đề nghị cho anh xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 14/10/2019, tại khu vực đường Đ, thuộc tổ 04, phường K, thành phố T, Công an thành phố T, tỉnh T phát hiện bắt quả tang Vũ Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép ở trong lòng bàn tay trái của T 02 gói ma túy, loại hêrôn, có khối lượng 0,1755 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 10 giờ 20 phút ngày 14 tháng 10 năm 2019; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; bản kết luận giám định số: 391/KLGD-PC09 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; lời khai của người chứng kiến; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) *Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.*

...”.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Văn T không có tiền án tiền sự, bị cáo có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, thu nhập của bị cáo không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Vũ Văn T khối lượng 0,1755 gam ma túy loại hêrôin còn lại sau giám định là 0,1532 gam ma túy trong phong bì niêm phong số 391/KLGD-PC09 là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Vũ Văn T số tiền 270.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7.3] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Vũ Văn T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUZUKY màu xanh, biển số 29H4 – 8331, đăng ký mang tên chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; cư trú: Số nhà 22, đường T, phường L, quận H, thành phố

H, qua quá trình điều tra xác định chiếc xe trên chỉ H đã bán cho anh Vũ Văn Q từ năm 2016 với giá 3.000.000 đồng. Ngày 14/10/2019 anh Q cho bị cáo T mượn xe nhưng anh Q không biết việc bị cáo sử dụng phương tiện để đi mua ma túy, căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại chiếc xe cho anh Vũ Văn Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Vũ Văn T khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, khu vực đường Đ, thuộc tổ 8, phường K, thành phố T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 14 tháng 10 năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy có trong 01 phong bì niêm phong số 391/KLGD mẫu vật hoàn trả sau giám định.

3.2. Trả lại cho bị cáo số tiền 270.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

3.3. Trả lại cho anh Vũ Văn Q, sinh năm 1976; cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUZUKY màu xanh, biển số 29H4 – 8331.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố T, tỉnh T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh T ngày 30 tháng 11 năm 2019 và biên lai thu tiền số 0001523 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh T).

4. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố T, tỉnh T;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh T;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền